

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1103/2024/HC-PT
Ngày: 26-9-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 313/2024/TLPT-HC ngày 25/3/2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2023/HC-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2767/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1982

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cùng vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông T, bà H:

1. Ông Nguyễn Thế K, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số G đường B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Văn bản uỷ quyền ngày 14/11/2022).

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Địa chỉ: Số B T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P; Chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Công D - Phó trưởng Phòng T1 (có mặt).

- *Người kháng cáo*: UBND huyện C là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, phía người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

- Hủy Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện C “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất” đối với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H để thực hiện dự án đầu tư mới tại Trung tâm Y tế quân - Dân y huyện C;

- Buộc UBND huyện C lập lại thủ tục bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho gia đình Ông, Bà bằng cách xác định lại vị trí đất bồi thường, giá đất bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất, bồi thường nhà ở trên đất bị thu hồi;

- Kiến nghị UBND huyện Côn Đảo giao một lô đất ở mới hoặc cho thuê, mua chung cư nhà ở dành cho người có thu nhập thấp nhằm đảm bảo điều kiện sống và lao động tối thiểu đối với gia đình ông, bà vì quá khó khăn về chỗ ở.

Cơ sở của yêu cầu khởi kiện:

Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 230, Tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ đường H, khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 308132 do UBND huyện C cấp ngày 31/05/2016, diện tích 500m² bao gồm 78,7m² đất ở tại nông thôn và 421,3m² đất trồng cây lâu năm.

Để thực hiện dự án Đầu tư mới Trung tâm Y tế Quân - Dân y huyện C, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 thu hồi 500,1m² đất của gia đình ông T bà H và sau đó Quyết định số 958/QĐ-UBND được thay thế bằng Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện C với nội dung không có gì khác biệt. Quyết định số 1313 thu hồi 500,1m² đất của gia đình ông T bà H bao gồm 78,7m² đất ở nông thôn, 421,3m² đất trồng cây lâu năm và 0,1m² đất do Nhà nước quản lý thuộc thửa đất số 94 (230), tờ bản đồ số 6 (13) tại đường H, Khu dân cư S, huyện C, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo đó cùng ngày, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H - Thường trú Khu dân cư S, huyện C để thực hiện dự án Đầu tư mới Trung tâm y tế Quân - Dân y huyện C (gọi là Quyết định 1321).

Nhận thấy, Quyết định 1321 có nhiều nội dung bất hợp lý, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T bà H, cụ thể như sau:

- Về vị trí đất bồi thường: UBND huyện xác định vị trí đất bồi thường vị trí 5 là hoàn toàn sai, lý do:

Khi gia đình ông T bà H làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất 78,7m² sang đất ở, căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất gửi cho Chi cục thuế Huyện C, trong đó xác định thửa đất số 230, tờ bản đồ 13, Đường H, huyện C thuộc Loại đường 2, Vị trí thửa đất: VT2. Theo đó, gia đình thực hiện nghĩa vụ nộp tiền theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 71713.2016.0000178/TB-TSDD ngày 19/05/2016 của Chi cục Thuế huyện C, với nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất tương ứng vị trí 2 với số tiền 99.476.800 đồng.

Dựa trên tình hình thực tế vị trí, thửa đất của gia đình ông T bà H có cạnh tiếp giáp với lối đi hợp pháp được Nhà nước quản lý, nằm trong phạm vi cự ly 100m tính từ ranh giới mặt tiền hợp pháp của thửa đất đến mặt tiền đường chính. Do đó, việc xác định thửa đất của gia đình ông T bà H ở vị trí 5 là sai, dẫn đến việc tính giá tiền bồi thường khi thu hồi đất của ông T bà H là không chính xác.

- Về giá đất bồi thường: Giá đất bồi thường cho gia đình ông T bà H căn cứ vào Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư mới Trung tâm y tế Quân - Dân y huyện C là quá thấp so với mặt bằng giá đất chung trên địa bàn huyện C. Đơn giá bồi thường đối với đất nông nghiệp là 1.827.000đ/m² và đất ở là 4.951.000đ/m². Gia đình bị thu hồi 500m² đất và tổng mức bồi thường, hỗ trợ đối với giá trị quyền sử dụng đất này là 1.159.358.800 đồng. Với số tiền được nhà nước bồi thường này, ông T bà H không thể mua nổi bất kỳ miếng đất nào trên địa bàn huyện C. Việc phê duyệt giá đất trên hoàn toàn không phù hợp với điều kiện thực tế đặc thù về đất đai trên địa bàn huyện C (mọi thứ đều đắt đỏ do đặc thù về địa lý). ông T bà H gần như mất trắng khi bị nhà nước thu hồi đất, cuộc sống bị đảo lộn (phải đi ở nhà trọ), kinh tế khó khăn.

- Về nhà ở trên đất không được bồi thường: gia đình ông T bà H không được bồi thường nhà ở trên đất vì lý do có quyết định xử phạt vi phạm hành

chính (Quyết định số 962/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2015). Tại thời điểm xây dựng nhà tạm trên đất vào năm 2015, gia đình ông T bà H còn nhiều khó khăn nên cất nhà ở tạm trên đất để trồng trọt chăn nuôi, sau đó sang đầu năm 2016 gia đình ông T bà H đã tiến hành chuyển mục đích sử dụng đất 78,7m² đất ở tương ứng với diện tích nhà tạm và các công trình phụ để khắc phục sai phạm nêu trên. Do đó, nhà tạm ông T bà H xây dựng trước đó đã phù hợp với mục đích sử dụng đất ở nên phải được xem xét bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Về hỗ trợ tái định cư: Tại thời điểm ban hành Quyết định 1321, gia đình ông T bà H được xác định là không đủ điều kiện tái định cư do còn đất ở khác trên địa bàn huyện C. Mặc dù ông T bà H có đất ở khác (50m² đất ở) trên địa bàn huyện nhưng không có điều kiện tài chính để xây nhà. Hiện nay, sau khi Nhà nước thu hồi nhà đất của gia đình ông T bà H, cả nhà họ vẫn đang thuê trọ tại Khu dân cư S Đường N để ở. Gia đình ông T bà H thật sự khó khăn và có nhu cầu về chỗ ở.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 22 Quyết định 52/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh B quy định về xem xét hỗ trợ giao đất ở:

“1. ...

2. Trường hợp khi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đã áp dụng các khoản bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và Khoản 1 Điều này; hoặc đối với trường hợp thu hồi nhiều đất nông nghiệp mà hộ gia đình, cá nhân vẫn còn khó khăn về chỗ ở và có nhu cầu về đất ở thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở hoặc nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định giao đất ở hoặc nhà ở theo thẩm quyền”.

Được biết, UBND huyện C đang triển khai một số dự án hạ tầng kỹ thuật tái định cư và dự án nhà ở xã hội, quy hoạch quỹ đất ở mới. Do đó, đề nghị UBND huyện căn cứ vào chính sách đất ở mới và hoàn cảnh thực tế, nhu cầu của gia đình ông T bà H để xem xét giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc cho gia đình ông T bà H thuê, mua một căn chung cư dành cho người có thu nhập thấp để gia đình ông T bà H sớm ổn định cuộc sống.

Người bị kiện, UBND huyện C có văn bản trình bày:

- Về điều kiện bồi thường đất:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 quy định về Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”.

Căn cứ Điều 77 Luật Đất đai 2013 quy định bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

Căn cứ Điều 79 Luật Đất đai 2013 quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau:

a) Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền;

b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Từ các căn cứ nêu trên, trường hợp thu hồi đất của ông T và bà H được bồi thường về đất. Tuy nhiên, qua rà soát hộ ông T vẫn còn đất ở trên địa bàn, đồng thời diện tích đất tại huyện C hạn chế, quỹ đất ở không có và theo đó UBND bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013.

- Về giá đất bồi thường của ông Huỳnh Văn T:

Về giá đất bồi thường của hộ ông Huỳnh Văn T được xác định dựa trên giá đất cụ thể kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư mới Trung tâm Y tế Quận - Dân y huyện C. Theo đó, UBND huyện đã thực hiện đúng quy định để xác định vị trí, phân loại đường, loại đất để áp giá đất theo đúng quy định đối với hộ ông Huỳnh Văn T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

- Việc bồi thường nhà ở trên đất khi thu hồi đất:

Căn cứ Điều 77 Luật Đất đai 2013 quy định “Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định sau đây:

...

2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất:

“2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Nhà ở trên diện tích đất bị thu hồi của ông T và bà H1 không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013 do nhà ở xây dựng không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 962/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2015.

- Việc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 quy định Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, như sau:

“1. Nguyên tắc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

a) Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định của Luật này còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ; ...

2. Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: ...

c) Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở;

d) Hỗ trợ khác”.

UBND huyện C đã thực hiện đúng quy định về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông T và bà H theo đúng quy định của pháp luật.

- Về hỗ trợ tái định cư và yêu cầu được thuê, mua 01 căn chung cư tại

C cu dành cho người thu nhập thấp:

Căn cứ khoản 1 Điều 79, Luật Đất đai năm 2013 quy định việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở:

a) ...

b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định:

a) ...

b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở”.

Như vậy, trường hợp hộ ông T và bà H đủ điều kiện được tái định cư. Tuy nhiên, do vẫn còn đất ở trên địa bàn và diện tích đất huyện C hạn chế, quỹ đất ở không có nên được bồi thường bằng tiền theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013. Do đó, nội dung khiếu kiện yêu cầu UBND huyện C giao 01 lô đất ở mới hoặc cho thuê, mua chung cư nhà ở dành cho người có thu nhập thấp là không có cơ sở để thực hiện.

UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bác toàn bộ nội dung khiếu kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H và công nhận tính hợp pháp của các Quyết định, văn bản hành chính có liên quan.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2023/HC-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 88, khoản 1 khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 1 Quyết định 71/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011; điểm b Điều 2 Quyết định 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014; khoản 4 Điều 4, khoản 1 Điều 22, Điều 15, Điều 17 Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; Điều 4 Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và khoản 2 Điều 4 Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Hủy Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H để thực hiện dự án đầu tư mới tại Trung tâm Y tế quân - Dân y huyện C;

- Buộc UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của gia đình ông T bà H; xác định lại vị trí đất bồi thường là vị trí 2; xác định lại giá đất bồi thường tại thời điểm thu hồi đất và bồi thường nhà ở, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện Côn Đảo giao 01 (một) lô đất tái định cư cho ông, bà.

[3] Kiến nghị UBND huyện C xem xét về yêu cầu giao 01 (một) lô đất ở mới có thu tiền hoặc cho thuê, mua chung cư nhà ở dành cho người có thu nhập thấp nhằm đảm bảo điều kiện sống và lao động tối thiểu đối với gia đình ông Huỳnh Văn T bà Nguyễn Thị Mỹ H theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2023, UBND huyện C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Diễm H1 là người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Ông Trần Công D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Trần Công D:

- Về việc xác định vị trí đất:

Cả 4 cạnh phần đất của ông T, bà H đều giáp đất của người khác, không có lối ra đường H nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B thì phải được xác định là vị trí 5.

Việc UBND huyện C cho phép ông T, bà H chuyển mục đích sử dụng 78,7m² là căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất của địa phương và nhu cầu sử dụng đất của ông T, bà H mà không phụ thuộc vào việc có hay không có lối ra đường H.

Xác định tại Phiếu chuyển thông tin ngày 29/4/2016 của Văn phòng Đ có ghi đất của ông T thuộc vị trí 2, nhưng đây là sai sót của Văn phòng đăng ký và Văn phòng đăng ký đã có Biên bản làm việc số 39 ngày 22/8/2022 xin lỗi ông T và đã điều chỉnh sang vị trí 4 (theo Quyết định số 65 năm 2014).

- Việc bồi thường vật kiến trúc có trên đất: Thừa nhận UBND huyện C có cho phép ông T cất nhà tạm trên thửa 230 nhưng ông D không xác định được là cất ở vị trí nào của thửa 230. Thực tế là ông T đã cất nhà trước khi được cấp phép xây dựng và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nên không đủ điều kiện để bồi thường vật kiến trúc.

- Về việc cấp nền nhà tái định cư: Ngoài diện tích đất bị thu hồi, gia đình ông T còn 50m² đất ở vị trí khác cùng huyện C nên không đủ điều kiện để bố trí nền nhà tái định cư.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

2. Bà Nguyễn Thị Diễm H1:

- Về việc xác định vị trí đất: Phiếu chuyển thông tin ngày 29/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai có ghi đất của ông T thuộc vị trí 2; khi chuyển mục đích sử dụng đất thì ông T nộp tiền theo vị trí 2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện đất của ông T có con đường tự mở ra đường H và biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T năm 2015 thể hiện có con đường. Do đó, đất của ông T thuộc vị trí 2.

- Về bồi thường vật kiến trúc: Ông T xây dựng nhà không phép vào năm 2015, đến năm 2016 thì được cấp phép xây nhà tạm và hiện nay căn nhà này thuộc 78,7m² đất đã được chuyển mục đích sử dụng nên đủ điều kiện để bồi thường vật kiến trúc.

- Về việc tái định cư: Thừa nhận hiện nay ông T còn 50m² đất ở vị trí khác.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND huyện

C làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều thể hiện đất của ông T thuộc vị trí 2, nhưng UBND huyện C bồi thường theo vị trí 5 là không đúng. Ông T xây dựng nhà không phép vào năm 2015, đến năm 2016 thì UBND huyện C cho phép chuyển mục đích sử dụng, nhưng UBND huyện C không bồi thường vật kiến trúc là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND huyện C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND huyện C làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: UBND huyện C tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 1321/QĐ-UBND của UBND huyện C (sau đây viết tắt là Quyết định số 1321) được ban hành ngày 31/8/2022, có nội dung phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với ông T và bà H để thực hiện dự án đầu tư mới Trung tâm Y tế quận - Dân y huyện C. Đây là quyết định hành chính của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ông T, bà H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên vào ngày 15/11/2022. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của UBND huyện C, nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1321: Bản án sơ thẩm xác định Quyết định số 1321 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền là có căn cứ.

[4.2] Về nội dung Quyết định 1321:

[4.2.1] Diện tích đất mà ông T bị thu hồi thuộc thửa số 230 tờ bản đồ 13 là một phần trong 9.410m² đất (trong đó đất ở 300m², đất trồng cây ăn trái 8.499m² và đất chuyên dùng 611m²) thuộc các thửa 40, 69, 154 (tách một phần thửa 70, trong đó thửa 69 và 154 có vị trí mặt tiền đường H) có nguồn gốc của ông Lê Minh C1 đã được cấp giấy chứng nhận vào năm 2005. Năm 2011, ông C1 tách thửa 40 thành nhiều thửa nhỏ, trong đó có thửa 230 diện tích 500m² để tặng cho ông Nguyễn Thăng Q và ông Q đã được cấp giấy chứng nhận ngày

22/11/2012, sau đó bán lại cho ông T.

[4.2.2] Các tài liệu có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Q (Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân, Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất, Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước) thể hiện: Đất thuộc đường H, đường loại 2, đất vị trí 2 và ông Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho Nhà nước theo đất vị trí 2, đường loại 2.

[4.2.3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 546600 do UBND huyện C cấp cho ông T ngày 30/12/2013 và các tài liệu kèm theo như Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân, Thông báo nộp lệ phí trước bạ, Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước thể hiện thửa đất thuộc đường H, đường loại 2, vị trí 2 và ông T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho Nhà nước theo đất vị trí 2, đường loại 2 với số tiền 99.476.800 đồng kể từ năm 2016.

[4.2.4] Pháp luật quy định về việc xác định vị trí đất:

Tại Điều 1 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh B, về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định về phạm vi áp dụng quyết định này như sau:

“1. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này để làm cơ sở:

...

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003”.

Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B quy định:

“b) Cách xác định vị trí đất của 03 khu vực:

Đất ở tại khu vực nông thôn được xác định từ đường giao thông lấy chiều sâu 200m tính từ lộ giới hiện hữu hợp pháp, cụ thể:

- Lộ giới hiện hữu hợp pháp của Q: từ chân đường trở ra mỗi bên là 20m.

- Lộ giới hiện hữu hợp pháp của Tỉnh lộ: từ chân đường trở ra mỗi bên là 10m.

- Lộ giới hiện hữu hợp pháp của đường liên xã, liên thôn: từ ranh giới

mặt tiền hợp pháp của thửa đất trở vào.

Vị trí đất được xác định theo bản đồ địa chính, sơ đồ vị trí đã được lập và đang sử dụng ở địa phương, có 4 vị trí như sau:

- Vị trí 1: 50m đầu tính từ lộ giới hợp pháp của đường giao thông chính, ven đầu mỗi giao thông, trường hợp chưa có lộ giới thì được tính từ ranh giới mặt tiền hợp pháp trở vào;

- Vị trí 2: Sau mét thứ 50 của vị trí 1 đến mét thứ 100;

- Vị trí 3: Sau mét thứ 100 của vị trí 2 đến mét thứ 150;

- Vị trí 4: Sau mét thứ 150 của vị trí 3 đến mét thứ 200”.

Tại Điều 4 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B quy định về cách xác định vị trí và các hệ số điều chỉnh của đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn và trong đô thị như sau:

“1. Cách xác định vị trí đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn và trong đô thị.

a) Đối với thửa đất mặt tiền (có cạnh tiếp giáp với đường có quy định giá trong bảng giá đất):...

b) Đối với thửa đất trong hẻm, ngõ xóm (có cạnh tiếp giáp với đường không quy định giá trong bảng giá đất):

Vị trí đất trong hẻm, ngõ xóm phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Chiều rộng hẻm, ngõ xóm;

- Chiều dài hẻm, ngõ xóm là khoảng cách từ thửa đất trong hẻm, ngõ xóm ra đường chính.

Chiều rộng hẻm, ngõ xóm xác định theo các khoảng rộng sau:

- $R \geq 4m$; $1,5m < R < 4m$; $R \leq 1,5m$.

Chiều dài hẻm, ngõ xóm được xác định theo các đoạn:

- $L \leq 100m$; $100m < L \leq 200m$; $200m < L \leq 300m$; $L > 300m$.

Vị trí đất trong hẻm, ngõ xóm xác định bắt đầu từ vị trí 2 áp dụng cho những thửa đất nằm ở mặt tiền đường hẻm, đường ngõ xóm có các yếu tố chiều rộng và chiều dài của hẻm, ngõ xóm thuận lợi nhất.

Cụ thể như sau:

- Vị trí 2: Áp dụng cho những thửa đất nằm ở mặt tiền đường hẻm, đường ngõ xóm, có chiều rộng từ 4m trở lên và kéo dài đến 100m tính từ đường chính; vị trí 3 được tính sau mét thứ 100 đến mét thứ 200; vị trí 4 được tính sau mét thứ 200 đến mét thứ 300; vị trí 5 được tính sau mét thứ 300...

- Vị trí 5: Áp dụng đối với thửa đất trong các trường hợp còn lại, không

thuộc vị trí 1, 2, 3, 4 đã quy định trên đây.

Trong trường hợp thửa đất trong hẻm, ngõ xóm có chiều dài lớn hơn 50m thì sẽ có lớn hơn 01 vị trí đất. Các vị trí tiếp theo của đất trong thửa này tính căn cứ vào vị trí của đất tiếp giáp đường hẻm, đường ngõ xóm thuộc thửa đất đó. Các vị trí này được xác định như cách xác định vị trí của thửa đất mặt tiền đường chính quy định ở trên.

Trong trường hợp thửa đất trong hẻm, ngõ xóm có lối ra nhiều đường chính thì vị trí đất trong hẻm, ngõ xóm xác định tính từ đường chính có tổng giá trị của thửa đất cao nhất...

Trong trường hợp thửa đất không có lối ra hợp pháp đến đường chính thì vị trí đất được xác định là vị trí 5 của đường chính gần nhất (có khoảng cách ngắn nhất tính từ tâm thửa đất đến đường đó), nhưng có mức giá không cao hơn mức giá vị trí 5 thấp nhất tính theo các thửa đất có lối ra hợp pháp liền kề trực tiếp với thửa đất này”.

[4.2.5] Như vậy, thửa đất của ông Q (sau này là của ông T, bà H) thuộc hẻm, ngõ xóm, có mặt tiếp giáp với 2 mặt đường hẻm (có sơ đồ vị trí kèm theo GCNQSD đất năm 2016), hẻm rộng trên 5m. Tại thời điểm năm 2012 và năm 2016, cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai huyện C đã áp giá đất để tính thuế khi chuyển nhượng đất là vị trí 2, đường loại 2 cũng như việc ông Q và ông T, bà H đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai tại huyện C là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Việc UBND huyện C áp dụng Quyết định số 38/2019 của UBND tỉnh B cho trường hợp đã thực hiện đúng quy định pháp luật trong những năm 2012 và 2016 là không phù hợp. Theo nguyên tắc, năm 2012, năm 2016 đã áp dụng đúng nội dung của Quyết định số 71 và Quyết định số 65 thì hiện nay không được áp dụng Quyết định số 38. Nếu áp dụng như vậy sẽ bất lợi cho người sử dụng đất và xảy ra mâu thuẫn, xung đột trong quản lý đất đai qua các thời kỳ do có sự thay đổi về quản lý của chính quyền địa phương.

Dựa trên tình hình thực tế vị trí thửa đất, thửa đất của gia đình ông T, bà H có cạnh tiếp giáp với lối đi hợp pháp là con đường hẻm chung đi ra đường H. Đường này tồn tại từ những năm 1993 đến nay, không có ai tranh chấp, phù hợp với quy hoạch đường giao thông (theo bản đồ địa chính của huyện C từ những năm 2012 cho đến thời điểm hiện nay), được Nhà nước quản lý. Hoàn toàn phù hợp với B luật dân sự và Luật đất đai tại thời điểm cấp GCNQSD đất quy định về lối đi, hẻm, ngõ xóm. Do đó, việc xác định thửa đất của gia đình ông Q (nay là ông T bà H) ở vị trí 2 tại thời điểm năm 2012, năm 2016 là hoàn toàn đúng quy định. Việc UBND huyện C xác định đất bồi thường thuộc vị trí 5 như hiện nay là không đúng, dẫn đến việc tính giá tiền bồi thường khi thu hồi đất của ông T bà H là không chính xác, gây thiệt hại cho người sử dụng đất.

[4.3] Về việc bồi thường vật kiến trúc:

Năm 2015, ông T và bà H xây dựng nhà tạm trên đất đã nhận chuyển nhượng của ông Q để ở và phục vụ cho việc làm vườn, trồng trọt, chăn nuôi. Do xây dựng nhà không có giấy phép trên đất nông nghiệp nên đã bị xử phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 926 ngày 06/11/2015. Tuy nhiên, UBND huyện C cũng không áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ, khắc phục hậu quả mà đã tạo điều kiện cho người dân khắc phục những điểm chưa đúng quy định bằng hình thức cho tiến hành làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất ở 78,7m² (tương ứng với diện tích nhà tạm và các công trình phụ) để khắc phục sai phạm nêu trên.

Ngày 31/5/2016, Phòng T1 có Tờ trình số 160/TTr-TNMT về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do chuyển mục đích sử dụng đất. Cùng ngày, ông T và bà H được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 308132 đối với thửa đất số 230 tờ bản đồ số 13. Hồ sơ đăng ký biến động hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất số 230 tờ bản đồ số 13. Ông T và bà H được cấp 78,7m² đất ở và 421,3m² đất trồng cây lâu năm.

Cũng từ năm 2016 đến nay, gia đình ông T, bà H sống ổn định trên thửa đất này mà không bị chính quyền địa phương cưỡng chế buộc tháo dỡ nhà theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính do xây nhà không phép năm 2015. Do đó, trường hợp của ông T phải được bồi thường công trình kiến trúc có trên đất theo quy định tại khoản 1 Điều 88, khoản 1 và khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013, Điều 15, Điều 17 Quyết định 52 ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B.

[4.4] Về yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư hoặc giao đất ở mới: Ngoài diện tích đất bị thu hồi, ông T và bà H2 còn 50m² đất ở khác trên địa bàn huyện C. Do đó, việc ông T, bà H2 yêu cầu giao đất tái định cư là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, nhận thấy hộ gia đình ông T, bà H có 05 nhân khẩu nên kiến nghị UBND huyện C xem xét về yêu cầu giao 01 (một) lô đất ở mới có thu tiền hoặc cho thuê, mua chung cư nhà ở dành cho người có thu nhập thấp nhằm đảm bảo điều kiện sống và lao động tối thiểu đối với gia đình ông T, bà H.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H2 là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó kháng cáo của UBND huyện C là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện C phải nộp án phí

hành chính phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,
Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2023/HC-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 88, khoản 1 khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 1 Quyết định 71/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011; điểm b Điều 2 Quyết định 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014; khoản 4 Điều 4, khoản 1 Điều 22, Điều 15, Điều 17 Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; Điều 4 Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và khoản 2 Điều 4 Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Hủy Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H để thực hiện dự án đầu tư mới tại Trung tâm Y tế quân - Dân y huyện C;

- Buộc UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của gia đình ông T bà H; xác định lại vị trí đất bồi thường là vị trí 2; xác định lại giá đất bồi thường tại thời điểm thu hồi đất và bồi thường nhà ở, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và bà

Nguyễn Thị Mỹ H đối với yêu cầu: Buộc UBND huyện Côn Đảo giao 01 (một) lô đất tái định cư cho ông, bà.

[3] Kiến nghị UBND huyện C xem xét về yêu cầu giao 01 (một) lô đất ở mới có thu tiền hoặc cho thuê, mua chung cư nhà ở dành cho người có thu nhập thấp nhằm đảm bảo điều kiện sống và lao động tối thiểu đối với gia đình ông Huỳnh Văn T bà Nguyễn Thị Mỹ H theo quy định.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 6297 ngày 17/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân huyện C đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa